TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 03 - 2021
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Nguyễn Đăng Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 127/2020/TLST- HNGĐ ngày 31/12/2020 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Linh Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ T, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Đình S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Trần Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/11/2017 và cháu Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 08/6/2019; địa chỉ: Tổ T, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hiếu và cháu Thiên:

- Chị Nguyễn Linh Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ T, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - là mẹ cháu H, Â – có mặt.

- Anh Trần Đình S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là cha cháu H, Â - vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Linh Th trình bày: chị Th và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/5/2017 tại UBND thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Sau khi kết

hôn, chị Th và anh S sinh sống tại Thôn T, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Kể từ khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; trong thời gian chị Th sinh con và nuôi con nhỏ, anh S hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt và thiếu nợ nhiều tiền, chị Th có khuyên can nhưng anh S không những không sửa đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị; việc này diễn ra thường xuyên khi hai vợ chồng sống với nhau. Anh S đã từng 02 lần đánh chị Th, sự việc đã xảy ra, Thảo không có trình báo và không yêu cầu chính quyền địa phương đứng ra giải quyết mâu thuẫn. Hiện tại, chị Th và anh S đã sống ly thân từ năm 2018, anh S vẫn còn sinh sống tại Thôn T, xã Qu; chị Th và 02 con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại Tổ T, thị trấn K, huyện Đ; chị Th xác định đã không còn tình cảm với anh S, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau; mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị Th làm đơn xin ly hôn với anh S.

Về con chung: quá trình chung sống, chị Th và anh S có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/11/2017 và cháu Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 08/6/2019, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại, chị Th đang công tác tại Công ty Viettel - chi nhánh huyện Đ với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng 02 cháu.

Đối với tài sản chung và nợ chung: chị tự thỏa thuận với anh S, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Đình S: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh S đến toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Th nhưng anh S vắng mặt không. Qua xác minh tại Công an xã Qu: "*Anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Qu; hiện có mặt tại địa phương và chưa chuyển hộ khẩu đi đâu*". Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến nhà anh S, tuy nhiên anh S không có mặt ở nhà, Tòa án không thể tống đạt các văn bản tố tụng nên đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S theo quy định. Tuy nhiên, anh S không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Linh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Linh Th.

Về quan hệ hôn nhân: chị Th được ly hôn với anh Trần Đình S.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/11/2017 và cháu Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 08/6/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: do chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Linh Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001381 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Linh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đình S và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh S đăng ký thường trú tại Thôn T, xã Qu, huyện T do đó, đây là tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Th với anh S; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 16/5/2017, chị Nguyễn Linh Th và anh Trần Đình S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S: chị Th cho rằng, kể từ khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; anh S hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, thiếu nợ nhiều tiền, nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị và có hành vi đánh đập chị. Hiện tại, chị Th đã không còn chung sống với anh S từ năm 2018; tại phiên tòa, chị xác định đã không còn tình cảm với anh S, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Đối với anh S, khi chị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh S cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh S vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Qua làm việc với bà Lê Thị Th – mẹ chị Th xác định: chị Th và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau và anh S có hành vi đánh chị Th. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th với anh S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung: chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Trần Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/11/2017 và cháu Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 08/6/2019. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ,chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Do anh S vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị Th về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu Hiếu và Ân đang sống chung với chị Th; chị Th hiện có công việc và thu nhập ổn định. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Hiếu và Ân cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh S có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Linh Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001381 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82;

Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Linh Th.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Linh Th được ly hôn với anh Trần Đình S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Trọng H, sinh ngày 23/11/2017 và cháu Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 08/6/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Trần Đình S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Linh Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001381 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Thị trấn K; huyện Đ.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Quang Trung